

Số: 3971/BC-UBND

Cẩm Xuyên, ngày 27 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu - chi ngân sách đến 30/11/2020 ước thực hiện cả năm, đề xuất một số nhiệm vụ và giải pháp

PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ THU - CHI NGÂN SÁCH 11 THÁNG, ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2020

Năm 2020 là năm thứ tư trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2021. Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn đã có những chuyển biến tích cực sau sự cố môi trường. Do vậy, mặc dù từ đầu năm đến nay phải chịu nhiều ảnh hưởng do dịch CoViD-19 nhưng thu ngân sách trên địa bàn vẫn đạt khá cao, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2019.

Kết quả về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách đến 30/11/2020 cụ thể như sau:

I. Kết quả thu ngân sách: (Biểu số 01: Thu ngân sách)

Tổng thu ngân sách đến 30/11/2020 đạt 1.512.645,3 triệu đồng, chi tiết như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------------------------------|
| - Thu trên địa bàn (thu nội địa): | 389.272,4 triệu đồng; |
| - Thu kết dư ngân sách năm trước: | 9.688,0 triệu đồng; |
| - Thu chuyển nguồn: | 180.914,4 triệu đồng; |
| - Thu để lại đơn vị, QL qua NS: | 2.477,5 triệu đồng; |
| - Thu bổ sung NS cấp trên: | 930.292,9 triệu đồng ¹ . |

Trong đó, tổng thu ngân sách cấp huyện được hưởng là 1.089.427,7 triệu đồng².

1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa):

Tính đến 30/11/2020, thu NSNN trên địa bàn đạt 389.272,4 triệu đồng, bằng 94% kế hoạch huyện giao³. Trong đó, thu tiền cấp quyền sử dụng đất và tiền thuê mặt đất, mặt nước là 299.974,7 triệu đồng, đạt 91% so với dự toán được giao và chiếm 77% tổng số thực hiện thu. Thu từ các sắc thuế khác là 89.297,8 triệu đồng, đạt 107% so với dự toán HĐND huyện giao, chiếm 30% tổng số thực hiện thu. Tình hình thực hiện thu theo từng sắc thuế cụ thể như sau:

¹ Trong đó, nếu loại trừ số ngân sách cấp huyện bổ sung cho ngân sách cấp xã là 322.090,1 trđ (tỉnh bổ sung cho cấp xã nhưng phải cấp qua ngân sách cấp huyện); số thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện là 689.525,0 trđ.

² Thu trên địa bàn: 244.905,0 trđ; Thu kết dư ngân sách năm trước: 9.688,0 trđ triệu đồng; Thu chuyển nguồn: 145.309,5 trđ, Thu bổ sung từ NS cấp trên: 608.202,8 trđ.

³ Kế hoạch huyện giao bao gồm cả số giao thu đầu năm và 02 đợt điều chỉnh dự toán, giao thu bổ sung

1.1. Thu từ kinh tế quốc doanh:

Tổng thu đến 30/11/2020: 240,1 trđ/210 tr.đ, đạt 114% so với dự toán và bằng 16% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 240,1 trđ/210 tr.đ, đạt 114% kế hoạch được giao.

Nguyên nhân số thu đạt thấp so với cùng kỳ năm trước là do năm 2019 có phát sinh khoản thu ngoài kế hoạch từ hoạt động xây lắp Nhà máy điện mặt trời tại xã Cẩm Hòa⁴ hơn 1.000 tr.đ nên tăng đột biến.

1.2. Thu ngoài Quốc doanh:

Tổng thu đến 30/11/2020: 26.313,7 tr.đ/23.000 tr.đ, đạt 114% so với dự toán và bằng 121% cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 27.000 tr.đ/23.000 trđ, đạt 117% kế hoạch.

Đây là năm đầu tiên trong 05 năm gần đây, Cẩm Xuyên có số thu Ngoài quốc doanh vượt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do có một số khoản thu lớn phát sinh ngoài kế hoạch, bao gồm:

+ Thế giới di động không đầu tư thêm cửa hàng mới nên không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng, số tiền: 6.000 tr.đ.

+ CTCP 6879: Xuất khẩu đá và hàng tồn kho sang Singapore, thuế phát sinh là 1.000 tr.đ.

1.3. Thuế thu nhập cá nhân:

Tổng thu đến 30/11/2020: 8.227,4 tr.đ/7.000 tr.đ, đạt 118% so với dự toán và bằng 131% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 8.500 tr.đ/7.000 tr.đ, bằng 121% so với kế hoạch.

1.4. Lệ phí trước bạ:

Tổng thu đến 30/11/2020: 34.093,6 tr.đ/34.000 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 103% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 36.350 tr.đ, bằng 107% kế hoạch.

Nguyên nhân thu lệ phí trước bạ đạt cao là do tăng thu lệ phí trước bạ nhà, đất 3.285,0 tr.đ. Trong khi đó, thu phí trước bạ phương tiện giao thông vẫn còn thiếu 3.191,5 tr.đ so với dự toán⁵.

1.5. Phí, lệ phí:

Tổng thu đến 30/11/2020: 3.076,3 tr.đ/3.900 tr.đ, đạt 79% so với dự toán và bằng 92% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 3.150 tr.đ/3.900 tr.đ, đạt 81% kế hoạch được giao.

1.6. Thuế sử dụng phi nông nghiệp:

Tổng thu đến 30/11/2020: 439,2 tr.đ/400 tr.đ, đạt 110% dự toán được giao và bằng 159% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện đến hết năm không có biến động gì thêm.

⁴ Khấu trừ 2% thuế GTGT đối với công trình XDCB đối với Tổng công ty Thiết bị Đông Anh.

⁵ Phí trước bạ phương tiện ngân sách cấp huyện hưởng 100%. Do vậy, mặc dù tổng thu các sắc thuế khác loại trừ tiền đất đã đạt 107% kế hoạch nhưng do hụt thu lệ phí trước bạ nên phần ngân sách cấp huyện được hưởng theo phân cấp đến hết 11 tháng năm 2020 vẫn chưa đủ so với kế hoạch.

1.7. Tiền thuê mặt đất, mặt nước:

Tổng thu đến 30/11/2020: 3.292,1 tr.đ/3.500 tr.đ, đạt 94% so với dự toán và bằng 102% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 3.500 tr.đ/3.500 tr.đ, bằng 100% so với kế hoạch.

1.8. Thu tiền cấp quyền sử dụng đất⁶:

Tổng thu đến 30/11/2020: 296.682,6 tr.đ/326.819,3 tr.đ tr.đ, đạt 91% so với dự toán huyện giao và bằng 159% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 327.500 tr.đ/326.819,3 tr.đ, bằng 100% kế hoạch được giao.

1.9. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:

Tổng thu đến 30/11/2020 đạt: 4.068,6 tr.đ/3.100 tr.đ, đạt 131% so với dự toán và bằng 65% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 4.100 tr.đ/3.100 tr.đ, bằng 132% so với kế hoạch.

Nguyên nhân đạt cao so với kế hoạch là do phát sinh khoản thu ngoài kế hoạch: Thu nợ năm 2019 trả về trước của CTCP đá Cẩm Thịnh: 2.200 tr.đ

1.10. Thu khác ngân sách huyện:

Tổng thu đến 30/11/2020: 3.535,1 tr.đ/6.500 tr.đ, đạt 54% so với dự toán và bằng 122% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 3.600 tr.đ, bằng 55% dự toán được giao.

Nguyên nhân đạt thấp là do chỉ tiêu giao thu của tỉnh quá cao so với tiềm lực kinh tế - xã hội của huyện nhà.

1.11. Thu khác tại xã:

Tổng thu đến 30/11/2020: 9.303,6 tr.đ/5.590,0 tr.đ, đạt 166% so với dự toán và bằng 117% so với cùng kỳ năm 2019; ước thực hiện cả năm đạt 9.850 tr.đ/5.590,0 tr.đ, bằng 176% dự toán được giao.

Tuy vậy, thu khác ngân sách xã chủ yếu là do đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công: 7.490,9 tr.đ⁷. Nếu loại trừ số thu này, thu khác tại xã mới chỉ đạt 1.812,7 tr.đ/5.590,0 tr.đ, bằng 32% so với kế hoạch.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

Tổng thu đến 30/11/2020 là 930.292,9 tr.đ. Trong đó, nếu loại trừ số bổ sung trợ cấp cân đối và bổ sung trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách cấp xã (240.767,8 tr.đ) thì số thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện là: 689.525,0 tr.đ, trong đó thu trợ cấp cân đối 519.364,0 tr.đ, trợ cấp có mục tiêu là 170.161,0 tr.đ.

Nhìn chung, đến 30/11/2020 đầu năm 2020, tiến độ thu ngân sách trên địa bàn đạt khá cao so với dự toán. Cơ cấu nguồn thu chủ yếu vẫn là từ thu tiền cấp quyền sử dụng đất và tiền thuê mặt đất, mặt nước⁸.

⁶ Thu tiền cấp quyền sử dụng đất năm 2020 là 155.000 tr.đ; trong năm điều chỉnh 02 đợt, nâng tổng giao lên 326.819,3 tr.đ để phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn.

⁷ Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công chủ yếu là để trả tiền đền bù cho người dân khi nhà nước thu hồi đất để chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác, không thể bố trí cho nhiệm vụ khác.

Thu ngân sách của các xã, thị trấn đến 30/11/2020 năm 2020 về tổng thể đạt cao với kế hoạch, tuy nhiên kết quả thực hiện của các đơn vị không đồng đều. Tính đến hết 11 tháng, có 13 xã đã đã vượt chỉ tiêu so với dự toán được HĐND huyện giao⁹.

Trong 9 xã còn lại, tình hình thực hiện cụ thể như sau:

+ 04 xã đã thu đạt trên 90%, dự kiến trong năm sẽ hoàn thành kế hoạch¹⁰.
+ 03 xã có số thu đạt dưới 80% nhưng dự kiến trong năm vẫn sẽ hoàn thành kế hoạch là Yên Hòa (41%), Cẩm Nhượng (67%), Cẩm Lạc (68%). Nguyên nhân là do do số thu chưa đạt của các xã trên chủ yếu là thu tiền cấp quyền sử dụng đất. Hiện nay, UBND huyện đã phê duyệt giá khởi điểm và đang khẩn trương triển khai đấu giá, nộp ngân sách trong năm 2020, hoàn thành chỉ tiêu được giao.

+ 01 xã dự kiến đến hết năm không đạt kế hoạch được giao nhưng không ảnh hưởng nhiều đến cân đối ngân sách là Cẩm Mỹ (dự kiến đạt 86%, hụt thu 83 tr.đ).

+ 01 xã dự kiến cuối năm không đạt kế hoạch được giao, có khả năng ảnh hưởng đến cân đối thu – chi ngân sách là Cẩm Lộc (dự kiến đạt 91%, hụt thu 177 tr.đ).

Do vậy, yêu cầu chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ số thu trên địa bàn, chủ động trong quản lý điều hành ngân sách, kịp thời phân bổ số tăng thu để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Đối với các xã thu còn chưa đạt dự toán, cần phải chỉ đạo, theo dõi sát sao tình hình thực hiện thu ngân sách, chủ động cắt giảm các nhiệm vụ chi chưa cấp thiết để đảm bảo các nhóm nhiệm vụ chi cho con người, chế độ chính sách, đảm bảo cân đối ngân sách.

Về phần ngân sách cấp huyện được hưởng theo phân cấp, tính đến hết tháng 11/2020 vẫn còn thiếu 2.519,2 tr.đ cân đối chi thường xuyên và 15.397,3 tr.đ chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tình hình thu trên địa bàn từ nay đến 31/12/2020 rất khả quan nên dự kiến đến hết năm sẽ thu đủ số còn thiếu hụt nêu trên, đảm bảo cân đối thu – chi.

II. Kết quả chi ngân sách: (Biểu số 02: Chi ngân sách)

Chi ngân sách tính đến hết đến 30/11/2020 đều năm đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ chính trị, chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh. Số liệu chi ngân sách cụ thể như sau:

Tổng chi ngân sách đến 30/11/2020: 1.273.261,8 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch. Trong đó::

- | | |
|---------------------------|-----------------------|
| - Chi ngân sách cấp huyện | 860.419,4 triệu đồng; |
| - Chi ngân sách cấp xã: | 412.842,4 triệu đồng. |

⁸ Thu tiền cấp quyền sử dụng đất và thu tiền thuê mặt đất, mặt nước đạt 299.974,7 triệu đồng, đạt 91% so với dự toán được giao và chiếm 77% tổng số thực hiện thu

⁹ 14 xã thu đạt và vượt chỉ tiêu bao gồm: Cẩm Vinh (104%); Cẩm Bình (112%); Cẩm Thành (100%); Cẩm Duệ (101%); Cẩm Quang (102%); Cẩm Quan (109%); Nam Phúc Thắng (107%); Cẩm Dương (117%); Cẩm Hưng (123%); Cẩm Thịnh (115%); Cẩm Sơn (100%); Cẩm Hà (115%); Cẩm Linh (106%); Cẩm Minh (105%);

¹⁰ 04 xã thu đạt trên 90% bao gồm: TT Cẩm Xuyên (92%); TT Thiên Cầm (98%); Cẩm Thạch (95%); Cẩm Trung (98%).

Tính riêng ngân sách cấp huyện, tổng chi đến 30/11/2020 đạt 98% so với dự toán, dự kiến cả năm là 1.164.542,3 triệu đồng, đạt 134% kế hoạch. Nguyên nhân chi ngân sách cả năm tăng so với dự toán được giao là do cấp tính bổ sung trợ cấp có mục tiêu cho các cấp huyện, xã để thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh ngoài dự toán như: Kinh phí phòng, chống dịch bệnh; Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách,... và chi từ nguồn chuyển nguồn ngân sách năm trước. Các chỉ tiêu về thực hiện chi ngân sách cụ thể như sau:

1. Về chi thường xuyên:

Chi ngân sách đến 30/11/2020 là 461.574,8 triệu đồng đạt 88% so với dự toán, ước thực hiện cả năm 2020 là 513.620,9 triệu đồng, bằng 98% so với kế hoạch. Cụ thể từng nội dung chi như sau:

1.1. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể: 28.892,7 triệu đồng, đạt 87% so với dự toán và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 33.269,0 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch được giao.

1.2. Chi sự nghiệp giáo dục: 304.053,9 triệu đồng, đạt 92% so với dự toán và bằng 108% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 329.176,9 triệu đồng, bằng 99% so với kế hoạch được giao.

Nguyên nhân đạt thấp so với dự toán là do giảm một số chế độ của học sinh do thay đổi chế độ, chính sách, thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định 116 về ngân sách tỉnh, tổng số tiền giảm: 4.996,8 tr.đ.

1.3. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 3.314,5 triệu đồng, đạt 90% dự toán và bằng 103% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 3.674,3 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch.

1.4. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao: 3.067,3 triệu đồng, đạt 76% so với dự toán và bằng 88% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 3.580,3 triệu đồng, bằng 88% kế hoạch.

Nguyên nhân đạt thấp so với dự toán là do điều chỉnh giảm 198 tr.đ nhiệm vụ khai trương mùa du lịch, điều chỉnh giảm Chi sự nghiệp văn hóa khác 280 tr.đ để đầu tư sửa chữa trụ sở BQL Khu du lịch Thiên Cầm¹¹.

1.5. Chi sự nghiệp y tế: 19.652,2 triệu đồng, đạt 90% so với dự toán và bằng 102% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 21.730,4 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch.

1.6. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 46.222,0 triệu đồng, đạt 91% so với dự toán và bằng 98% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 50.935,1 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch.

1.7. Chi sự nghiệp an ninh: 855,0 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán và bằng 106% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 855,0 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch.

¹¹ Điều chỉnh trên cơ sở thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND huyện tại Công văn số 300/HĐND ngày 27/7/2020 của HĐND huyện về việc cho ý kiến về điều chỉnh giảm dự toán và bố trí nguồn vốn sửa chữa nhà làm việc Ban quản lý Khu du lịch Thiên Cầm

1.8. Chi sự nghiệp quốc phòng: 3.352,3 triệu đồng, đạt 99% so với dự toán và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 3.352,3 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch.

1.9. Chi sự nghiệp kinh tế: 40.349,2 triệu đồng, đạt 74% so với dự toán và bằng 106% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 50.614,4 triệu đồng, bằng 93% kế hoạch.

Nguyên nhân đạt thấp so với kế hoạch là do Sở Tài chính giảm trừ trợ cấp cân đối 3.662 tr.đ tiền ứng mua xi măng năm 2019; Điều chỉnh giảm Đề án chính sách trong cơ cấu lại SXNN 398,2 tr.đ do hết nhiệm vụ chi¹².

1.10. Chi sự nghiệp môi trường: Chi sự nghiệp môi trường chủ yếu là chi hỗ trợ cho công tác xử lý rác thải tại nhà máy. Thực hiện đến 30/11/2020 đạt 3.988,3 tr.đ, bằng 68% kế hoạch và bằng 160% so với cùng kỳ năm 2019 Dự kiến cả năm đạt 5.900 tr.đ, bằng 100% so với kế hoạch.

11. Chi biến động tiền lương và một số nhiệm vụ khác: 4.126,2 triệu đồng, đạt 82% so với dự toán và bằng 93% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 4.126,2 triệu đồng, bằng 82% so với kế hoạch.

Nguyên nhân đạt thấp so với kế hoạch là do điều chỉnh giảm 888 tr.đ để bố trí bổ sung nguồn Dự phòng ngân sách¹³.

1.14. Chi khác ngân sách: 3.415,2 triệu đồng, đạt 89% dự toán và bằng 194% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 3.841,3 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch.

1.15. Dự phòng ngân sách: 8.075,7 triệu đồng, bằng 101% so với dự toán và bằng 147% so với cùng kỳ năm 2019, ước thực hiện cả năm đạt 8.906,0 triệu đồng, bằng 104% so với tổng kế hoạch.

Nguyên nhân tăng chi với kế hoạch là do điều chỉnh bổ sung 888 tr.đ từ nguồn Chi biến động tiền lương và một số nhiệm vụ khác.

2. Về chi đầu tư phát triển:

Tổng chi đầu tư phát triển ngân sách cấp huyện đến 30/11/2020 là 146.627,0 triệu đồng, đạt 69% so với dự toán¹⁴ và bằng 184% so với cùng kỳ năm 2019. Dự kiến cả năm đạt 269.107,9 triệu đồng, bằng 126% so với kế hoạch.

3. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới:

Tổng thực hiện Thực hiện đến 30/11/2020 là 240.767,8 triệu đồng, bằng 129% so với kế hoạch và bằng 143% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Bổ sung cân đối 88.838,8 triệu đồng.
- Bổ sung có mục tiêu 151.929,0 triệu đồng.

¹² Điều chỉnh trên cơ sở thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND huyện tại Công văn số 298/HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện về việc cho ý kiến về mục đích sử dụng một số nguồn vốn hết nhiệm vụ chi

¹³ Được HĐND huyện phê duyệt điều chỉnh tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 06/7/2020

¹⁴ Nguyên nhân thực hiện chi ĐTPT 11 tháng đạt thấp là do có 88.499 tr.đ mới được HĐND huyện phân bổ tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 đang triển khai giải ngân.

PHẦN THỨ HAI
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YÊU NHẰM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020

Để đảm bảo cân đối thu – chi ngân sách, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu được giao, cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau đây:

I. Nhiệm vụ cụ thể:

Phấn đấu hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu giao thu – chi ngân sách HĐND huyện giao, cụ thể như sau:

ĐVT: Nghìn đồng.

TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao ¹⁵	Thực hiện đến 30/11/2020	Chỉ tiêu thu ngân sách tháng 12/2020
	TỔNG CỘNG	414.019.276	389.272.434	34.133.165
1	Thu từ kinh tế Quốc doanh	210.000	240.107	0
2	Thu từ khu vực Ngoài quốc doanh	23.000.000	26.313.712	0
3	Thuế thu nhập cá nhân	7.000.000	8.227.453	0
4	Lệ phí trước bạ	34.000.000	34.093.616	0
5	Thu phí, lệ phí	3.900.000	3.076.313	823.687
6	Thuế phi nông nghiệp	400.000	439.220	0
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	3.500.000	3.292.112	207.888
8	Tiền sử dụng đất	326.819.276	296.682.566	30.136.710
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	3.100.000	4.068.572	0
10	Thu khác ngân sách	6.500.000	3.535.120	2.964.880
11	Thu tại xã	5.590.000	9.303.643	0

II. Giải pháp thực hiện:

1. Về công tác quản lý thu ngân sách:

- Tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu ngân sách; thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác vào ngân sách nhà nước; theo dõi chặt chẽ, kịp thời và tổ chức thu triệt để đối với các nguồn thu mới; tăng cường công tác

¹⁵ Bao gồm cả số điều chỉnh tăng tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 và Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND huyện.

thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế, chống gian lận thuế, tăng cường thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn. Chi cục thuế huyện cần tham mưu kịp thời với Cấp ủy chính quyền Huyện, Ban chỉ đạo chống thất thu NS huyện về các biện pháp, giải pháp trong chỉ đạo điều hành thu ngân sách, phối hợp với Đài truyền thanh truyền hình huyện để làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về thuế nhất là chính sách thuế mới được sửa đổi bổ sung, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

- UBND các xã, thị trấn, Chi cục thuế huyện, các cơ quan liên quan và cả hệ thống chính trị có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện thu ngân sách của những tháng còn lại của năm 2020, đảm bảo thu đủ và kịp thời theo từng tháng, từng quý; thực hiện các giải pháp thu nợ thuế tiền sử dụng đất kịp thời theo chế độ quy định, đồng thời tăng cường thu phí lệ phí, các thuế để đảm bảo cân đối chi theo tiến độ, hoàn thành dự toán được giao. Tăng cường công tác quản lý thuế đối với hộ cá nhân kinh doanh, hạn chế việc thất thu về mức thuế và số hộ quản lý, rà soát quản lý tốt nguồn thu từ phí, lệ phí, thu khác ngân sách để tổ chức thu, nộp kịp thời vào Kho bạc Nhà nước.

- Thực hiện đúng quy trình quản lý thu các loại thuế, phí, tăng cường công tác giám sát kê khai thuế. Phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước, các Ban quản lý dự án để thu thuế khi giải ngân và thực hiện khấu trừ thuế Giá trị gia tăng 2% khi thanh toán vốn. Phối hợp tốt với Công an huyện theo các nội dung của Quy chế phối hợp và các ngành liên quan để tổ chức thu nợ đọng đối với hộ kinh doanh cá thể, phần đầu hoàn thành chỉ tiêu thuế ngoài quốc doanh. Đôn đốc các đơn vị chi trả thu nhập thực hiện quyết toán, khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, thực hiện tốt công tác thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản để nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu. Thực hiện miễn, giảm, hoàn thuế kịp thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động về tài chính và thực hiện chính sách thuế. Tăng cường kiểm tra sau hoàn thuế, đôn đốc các doanh nghiệp nộp thuế phát sinh cho ngân sách địa phương.

- Đẩy nhanh tiến thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, nộp ngân sách trong năm 2020: Hiện nay, toàn bộ các lô đất đấu giá đợt 8, đợt 9 đều đã được phê duyệt giá khởi điểm, ký hợp đồng với đơn vị đấu giá, sẽ hoàn thành nộp ngân sách trong năm 2020.

- Bố trí, luân chuyển cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ cho một số đội thuế trọng điểm, có số thu lớn. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trên tất cả các phần hành công tác, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế, trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm, nhạy cảm, các doanh nghiệp có rủi ro cao về gian lận thuế. Xử lý nghiêm túc, đúng quy trình các vi phạm trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế và công tác quản lý thuế.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách thuế và cải cách thủ tục hành chính về thuế, loại bỏ các thủ tục không cần thiết, tạo sự thông thoáng cho người nộp thuế. Hướng dẫn người nộp thuế nâng cao ý thức chấp hành chính sách thuế;

giải quyết nhanh gọn, kịp thời các yêu cầu và vướng mắc của người nộp thuế. Chi cục thuế huyện cần phối hợp các ngành liên quan và các ngân hàng thương mại, tạo điều kiện tốt nhất cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ.

- Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TCT ngày 21/6/2016 của Tổng cục Thuế về tăng cường kỷ luật kỷ cương, chấn chỉnh thái độ tác phong khi giao tiếp với người nộp thuế và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thuế.

2. Về quản lý, điều hành chi ngân sách:

- Điều hành chi ngân sách trên cơ sở tiến độ thu ngân sách; quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao; tiết kiệm chi thường xuyên để tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, chi trả nợ trong tổng chi ngân sách địa phương. Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết,...

- Các đơn vị cấp huyện, các xã, thị trấn sử dụng ngân sách thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, hạn chế phát sinh. Phòng Tài chính – Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước tổ chức điều hành, kiểm soát chặt chẽ các nhiệm vụ chi đảm bảo đúng chế độ, định mức quy định.

- Trường hợp thu ngân sách các cấp huyện, xã được hưởng thực hiện vượt dự toán được giao, sử dụng 70% số vượt thu (không bao gồm tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp) để tăng nguồn thực hiện cải cách tiền lương, 30% còn lại để thực hiện chế độ, chính sách mới phát sinh và các nhiệm vụ đột xuất cấp bách mà dự toán đầu năm chưa bố trí, thanh toán nợ vốn đầu tư XDCB các công trình đã hoàn thành, bổ sung nguồn vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện,... Phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND các xã xây dựng phương án sử dụng số tăng thu ngân sách địa phương báo cáo với thường trực HĐND cùng cấp để xin ý kiến. Trường hợp số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp của các cấp ngân sách không đạt dự toán, Phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND các xã, thị trấn xây dựng phương án điều chỉnh giảm chi tương ứng, tập trung cắt giảm hoặc giãn, hoãn những nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định của Luật NSNN.

- Đối với nhiệm vụ chi thực hiện từ nguồn thu tiền sử dụng đất được điều hành theo từng nội dung cụ thể đã được phân bổ, giải ngân theo khối lượng thực hiện và tiến độ thu ngân sách.

- Thường xuyên kiểm tra quá trình thực hiện dự án, dự toán để đánh giá chính xác tiến độ, chất lượng thực hiện để có tham mưu cho cấp có thẩm quyền điều chỉnh vốn phù hợp nhằm phát huy cao nhất hiệu quả vốn ngân sách nhà nước, chấp hành nghiêm túc báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

- Thực hiện quản lý và điều hành chi ngân sách đảm bảo đúng Luật ngân sách Nhà nước năm 2015, có hiệu lực từ năm ngân sách 2017; nghiêm túc thực hiện chương trình phòng chống tham nhũng lãng phí thực hành tiết kiệm triệt để trên các lĩnh vực.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện thu - chi ngân sách đến 30/11/2020 đầu năm, dự kiến cả năm 2020 và các giải pháp tăng cường thu ngân sách. UBND huyện kính trinh HĐND huyện xem xét.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TTr. Huyện ủy;
- TTr. HĐND Huyện;
- Đại biểu HĐND Huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- Chi cục thuế;
- Lưu VT, TCKH.



UBND HUYỆN CẨM XUYÊN

Biểu 01

**BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN 30/11/2020, UỐC THỰC HIỆN CẢ NĂM
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 2/ tháng 12 năm 2020 của UBND huyện)**

DVT: Nghìn đồng.

TT	Nội dung	Dự toán	UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định	Thực hiện đến 30/11/2020	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Bao gồm			So sánh lý lẽ thực hiện		
										Ước thực hiện cả năm	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện cả năm	% thực hiện 11 tháng so với dự toán huyễn giao	% thực hiện 11 tháng so với dự toán huyễn giao	% thực hiện 11 tháng so với dự toán huyễn giao
	Tổng thu NSNN (A+B)	242.200.000	414.019.276	582.352.394	2.969.826	7.405.342	399.902.654	172.074.572	617.831.757	240	141	149	150		
A	Thu cân đối NSNN	242.200.000	414.019.276	579.874.864	2.969.826	7.405.342	399.902.654	169.597.042	614.831.757	239	140	149	152		
I	Thu nội địa	242.200.000	414.019.276	389.272.434	2.969.826	7.405.342	244.905.051	133.992.215	424.229.327	161	94	102	142		
1	Thu từ kinh tế Quốc doanh	210.000	210.000	240.107	-	143.689	96.418	-	240.107	114	114	114	16		
2	Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kê thu từ đầu thô)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0		
3	Thu từ khu vực Ngoại Quốc doanh	23.000.000	23.000.000	26.313.712	402	82.338	19.294.619	6.936.353	27.000.000	114	114	117	121		
4	Thué sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0		
5	Thué thu nhập cá nhân	7.000.000	7.000.000	8.227.453	-	4.113.726	4.113.727	-	8.500.000	118	118	121	131		
6	Ít phí trước bạ	34.000.000	34.000.000	34.093.616	-	-	26.971.518	7.122.098	36.350.000	100	100	107	103		
7	Thu phí, lệ phí	3.900.000	3.900.000	3.076.313	654.425	-	1.725.052	696.836	3.150.000	79	79	81	92		
8	Thué phi nông nghiệp	400.000	400.000	439.220	-	-	-	439.220	439.220	110	110	110	100		
9	Thué chuyển quyền SD đất (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0		
10	Tiền thuê đất, mặt nước	3.500.000	3.500.000	3.292.112	-	701.420	2.023.910	566.782	3.500.000	94	94	100	102		
11	Tiền sử dụng đất	155.000.000	326.819.276	296.682.566	-	-	187.755.283	108.927.283	327.500.000	191	91	100	159		
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	3.100.000	3.100.000	4.068.572	91.363	2.014.826	1.962.383	-	4.100.000	131	131	132	65		
13	Thu khác ngân sách	6.500.000	6.500.000	3.535.120	2.223.636	349.343	962.141	-	3.600.000	54	54	55	122		
14	Thu tại xã	5.590.000	5.590.000	9.303.643	-	-	-	9.303.643	9.850.000	166	166	176	117		
	<i>Trong đó: Thu đèn bù thiệt hại khi</i>								8.000.000	-	-	0	130		
	<i>Nhà nước thu hồi đất công</i>								9.688.087	-	-	0	0		
II	Thu kết dư ngân sách năm trước								145.309.516	35.604.827	180.914.343	-	0	166	
III	Thu chuyển nguồn								3.000.000	2.477.530	-	-	0	43	
B	Các khoản thu đã lại đơn vị chi quan lý qua NSNN								-	-	-	-	0		
1	Học phí								-	-	-	-	0		

TT	Nội dung	Dự toán				Bao gồm				So sánh tỷ lệ thực hiện			
		UBND tỉnh giao	UBND huyện quyết định	Thực hiện đến 30/11/2020	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 11 tháng so với dự toán	% ước thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm trước	Thực hiện 11 tháng so với dự toán	% ước thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm trước
2	Thu đóng góp của Nhân dân			2.477.530	-	-	-	-	2.477.530	3.000.000	-	-	0
C	Thu bổ sung từ NS cấp trên	720.554.750	720.554.750	930.292.923	-	-	689.525.094	240.767.829	1.031.293.945	129	129	143	150
1	Bổ sung cần đổi ngân sách	720.554.750	720.554.750	608.202.794	-	-	519.364.000	88.838.794	691.293.945	84	84	96	123
2	Bổ sung có mục tiêu	-	-	322.000.129	-	-	170.161.094	151.929.035	340.000.000	-	-	0	258
D	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			-	-	-	-	-	-	-	-	0	0
	Tổng số (A đến D)	962.754.750	1.134.574.026	1.512.645.317	2.969.826	7.405.342	1.039.427.748	412.842.401	1.649.125.702	157	133	145	150

[Signature]

BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH 11 THÁNG NĂM 2020, DỰ KIẾN CÁ NĂM
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 3/2020/BC-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện)

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cá năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với dự toán	Dự kiến cả năm 2020 so với dự toán	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	1.079.220.075	1.269.887.797	1.635.114.619	118	99	152
A	NGÂN SÁCH CÁP HUYỆN	872.244.635	857.045.396	1.164.542.250	98	93	134
I	Chi đầu tư phát triển	213.163.165	146.627.070	269.107.906	69	220	126
1	Chi Đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất	83.131.440	58.148.945	72.131.440	70	-	87
+/-	Trả nợ Cầu Hồi và đường vào trường học, thị trấn Thiên Cầm, huyện Cẩm Xuyên	300.000	284.602	300.000	95	-	100
+/-	Trả nợ Nâng cấp đường ĐH 129 đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Cẩm Lĩnh xã Cẩm Trung	400.000	483.557	400.000	121	-	100
+/-	Trả nợ Chính trang via hè, khuôn viên cây xanh tại ngã tư khách sạn Sông La, thị trấn Thiên Cầm, huyện Cẩm Xuyên	800.000	797.263	800.000	100	-	100
+/-	Trả nợ Đường vào Trụ sở Công an huyện, do công an huyện làm chủ đầu tư	160.000	-	160.000	-	-	100
+/-	Trả nợ Nâng cấp hệ thống vỉa hè xung quanh quãng trường Hồ Tùng Mậu tại KDL Thiên Cầm	115.000	78.298	115.000	68	-	100
+/-	Trả nợ Nâng cấp đường Duệ - Thành đoạn từ trường Tiểu học xuống trường mầm non huyện Cẩm Xuyên	45.000	-	45.000	-	-	100
+/-	Cầu qua kênh N1 Cẩm Duệ	340.000	32.576	340.000	10	-	100
+/-	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 131 đoạn Cẩm Huy di Cẩm Thắng	5.000.000	4.997.699	5.000.000	100	-	100
+/-	Trả nợ đường GTNT thôn Hải Triều xã Cẩm Quan	500.000	-	500.000	-	-	100
+/-	Trả nợ nhà làm việc và kho lưu trữ cơ quan UBND huyện	100.000	100.000	100.000	100	-	100

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện Thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm 2019	Dự kiến cả năm 2020 so với dự toán	Ghi chú
					Bố trí 11.000 tr.đ; điều chỉnh giảm do đã hết nhiệm vụ chi		
	Trả nợ DTXDHT theo đề án phát triển quỹ đất Ven sông Hội TT Cẩm Xuyên (55% DTXDCSHT của 20 ty)	11.000.000	267.782	-	2	-	
+ Bù và hỗ trợ đối với các công trình xây dựng mới thuộc chương trình bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	6.101.440	6.101.440	6.101.440	100	-	100	
+ Hỗ trợ trả nợ các công trình thuộc chương trình bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	299.000	299.000	299.000	100	-	100	
+ Công trình cải tạo, sửa chữa một số hạng mục nhà làm việc cơ quan huyện ủy- HĐND- UBND huyện	6.000.000	5.893.969	6.000.000	98	-	100	
+ Nâng cấp đường ĐH 132 đoạn qua xã Cẩm Hưng, (chiều dài 2,0 Km tham nhua 5,5m)	4.500.000	4.500.000	4.500.000	100	-	100	
+ Đường huyện lộ 123 đoạn qua xã Cẩm Hòa (chiều dài 2 km)	4.500.000	4.309.168	4.500.000	96	-	100	
+ Đường ĐH 128 từ đê Phúc Long Nhượng đi tò TP Nhân Hòa, TT Thiên Cầm (chiều dài 0,9km)	12.400.000	6.320.241	12.400.000	51	-	100	
+ Đường Huyện lộ 125 đoạn từ xã Cẩm Thiắng đi Cẩm Nam (chiều dài 2,5km; tham nhua 5,5m)	11.000.000	9.586.233	11.000.000	87	-	100	
+ Duy tu bão dưỡng đường năm 2020	1.300.000	987.024	1.300.000	76	-	100	151,4 tr.đ đã hết nhiệm vụ
+ Cải tạo nâng cấp Sân Vận động, Nhà thi đấu Trung tâm văn hóa, Tường rào Trung tâm y tế dự phòng	3.400.000	1.704.490	3.400.000	50	-	100	chí
+ Xây dựng Công viên Hà Huy Tập	8.971.000	7.818.383	8.971.000	87	-	100	
+ Cát mỏc đường huyện lộ trên địa bàn huyện	2.000.000	1.767.455	2.000.000	88	-	100	
+ Chính lý tài liệu lưu trữ UBND huyện	1.700.000	900.000	1.700.000	53	-	100	
+ Đo đạc chính lý bản đồ	1.000.000	-	1.000.000	-	-	100	
+ Quy hoạch TT Nam Thiên Cẩm	200.000	-	200.000	-	-	100	
+ Nâng cấp, cải tạo đường 131 đoạn QL 8C đến Đèo Trường xã Cẩm Thắng	500.000	500.000	500.000	100	-	100	
+ Đức Đại Vương xã Cẩm Vinh	500.000	419.765	500.000	84	-	100	
Chi Đầu tư phát triển từ nguồn giao tăng thu	32.845.000	28.622.517	32.845.000	87	-	100	
2 tiền cấp quyền sử dụng đất							

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với dự toán	Dự kiến cả năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019	
	Nguồn giao tăng thu: Đường ĐH 125 đoạn từ xã Cẩm Nam đến Cẩm Dương	6.145.000	6.145.000	6.145.000	100	-	100
+ +	Nguồn giao tăng thu: Đường ĐH 125 đoạn qua xã Cẩm Dương	1.800.000	1.800.000	1.800.000	100	-	100
	Nguồn giao tăng thu: Đường ĐH 124 đoạn qua TT Cẩm Xuyên	6.800.000	3.980.094	6.800.000	59	-	100
+ +	Nguồn giao tăng thu: Đường ĐH 123 đoạn qua xã Cẩm Quan	2.500.000	2.268.018	2.500.000	91	-	100
	Nguồn giao tăng thu: Đường ĐH 123 đoạn từ xã Cẩm Quang đến xã Yên Hòa	7.000.000	7.000.000	7.000.000	100	-	100
+ +	Nguồn giao tăng thu: Đường ĐH 133 đoạn từ xã Cẩm Thành đến cầu Na II	6.500.000	5.743.042	6.500.000	88	-	100
	Nguồn giao tăng thu: Đường ĐH 133 đoạn từ cầu Na II đến QL1A	2.100.000	1.686.363	2.100.000	80	-	100
3	Chi Đầu tư phát triển từ nguồn giao tăng thu tiền cấp quyền sử dụng đất (đợt 2)	88.498.638	1.767.399	88.498.638	2	-	100
+ +	DA Đường ĐH133 đoạn từ xã Cẩm Vĩnh đến UBND xã Cẩm Thành	13.235.000	1.267.399	13.235.000	10	-	100
	DA Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.131 đoạn từ xã Cẩm Huy đi xã Cẩm Thắng, huyện Cẩm Xuyên	800.000	-	800.000	-	-	100
+ +	DA Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang liệt sỹ huyện Cẩm Xuyên	3.000.000	-	3.000.000	-	-	100
	DA Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Huyện ủy – HĐND-UBND huyện Cẩm Xuyên	700.000	-	700.000	-	-	100
+ +	DA Nhà học 2 tầng 10 phòng trường tiểu học Cẩm Thịnh	800.000	-	800.000	-	-	100
	Cải tạo nhà làm việc Trung tâm ứng dụng DA Đường ĐH123 đoạn từ xã Cẩm Quang đến xã Yên Hòa, huyện Cẩm Xuyên	737.000	-	737.000	-	-	100
+ +	DA Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục Trung tâm văn hóa Hà Huy Tập, huyện Cẩm Xuyên	2.500.000	-	2.500.000	-	-	100
	DA Công viên Hà Huy Tập, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên	400.000	-	400.000	-	-	100
+ +	Chỉnh trang đường QL1A đoạn qua thị trấn Cẩm Xuyên	2.500.000	-	2.500.000	-	-	100
		47.414.638	-	47.414.638	-	-	100

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với dự toán	Dự kiến cả năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019	
+ DA Nhà học 2 tầng 12 phòng trường Tiểu học và THCS Phan Đình Giót	DA Sửa chữa, nâng cấp đường DH124 đoạn từ QL8C đến đường Nguyễn Đình Liễn, thị trấn Cẩm Xuyên	1.500.000	-	1.500.000	-	-	100
+ + DA Sửa chữa, nâng cấp đường DH124 đoạn từ QL8C đến đường Nguyễn Đình Liễn, thị trấn Cẩm Xuyên	Nhà giao dịch 1 cửa kết hợp phòng làm việc của các ngành đoàn thể xã Cẩm Lộc	500.000	-	500.000	-	-	100
+ + + Nhà giao dịch 1 cửa kết hợp phòng làm việc của các ngành đoàn thể xã Cẩm Lộc	Bổ sung vôi Dự án Đường 124, đoạn QL8C đến đường Nguyễn Đình Liễn (đoạn bổ sung, điều chỉnh)	1.200.000	-	1.200.000	-	-	100
+ + + + Bổ sung vôi Dự án Đường 124, đoạn QL8C đến đường Nguyễn Đình Liễn (đoạn bổ sung, điều chỉnh)	Cải tạo nhà làm việc Huyện Ủy - HĐND-UBND huyện	1.800.000	-	1.800.000	-	-	100
+ + + + + Cải tạo nhà làm việc Huyện Ủy - HĐND-UBND huyện	Hỗ trợ kính phí nâng cấp mặt đường BTXM bằng vật liệu Micro Surfacing	1.000.000	-	1.000.000	-	-	100
+ + + + + + Hỗ trợ kính phí nâng cấp mặt đường BTXM bằng vật liệu Micro Surfacing	Hỗ trợ UBND xã Cẩm Quang xây dựng tượng đài liệt sỹ	912.000	-	912.000	-	-	100
+ + + + + + + Hỗ trợ UBND xã Cẩm Quang xây dựng tượng đài liệt sỹ	Hỗ trợ trả nợ Trụ sở UBND xã Cẩm Hà	1.000.000	-	1.000.000	-	-	100
+ + + + + + + + Hỗ trợ UBND xã Cẩm Hà	Hỗ trợ UBND thị trấn Thiên Cầm đầu tư nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Ủy ban nhân dân thị và trả nợ đi dời đường điện cao thế	1.000.000	-	1.000.000	-	-	100
+ + + + + + + + + Hỗ trợ UBND thị trấn Thiên Cầm đầu tư nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Ủy ban nhân dân thị và trả nợ đi dời đường điện cao thế	Hỗ trợ trả nợ công trình Trụ sở UBND xã Cẩm Duệ	1.500.000	-	1.500.000	-	-	100
+ + + + + + + + + + Hỗ trợ trả nợ công trình Trụ sở UBND xã Cẩm Duệ	Hỗ trợ xã Cẩm Hưng trả nợ đường Hưng Trung - Hưng Tân	500.000	-	500.000	500.000	100	100
+ + + + + + + + + + + Hỗ trợ xã Cẩm Hưng trả nợ đường Hưng Trung - Hưng Tân	Hỗ trợ UBND xã Cẩm Thành làm mương tiêu nước phía Bắc đường trục xã và mương thoát nước	500.000	-	500.000	-	-	100
+ + + + + + + + + + + + Hỗ trợ UBND xã Cẩm Thành làm mương tiêu nước phía Bắc đường trục xã và mương thoát nước	Hỗ trợ xã Nam Phúc Thăng xây dựng: Đường giao thông nông thôn	1.500.000	-	1.500.000	-	-	100
+ + + + + + + + + + + + + Hỗ trợ xã Nam Phúc Thăng xây dựng: Đường giao thông nông thôn	Hỗ trợ Hội quán thôn 5, xã Cẩm Minh	2.000.000	-	2.000.000	-	-	100
+ + + + + + + + + + + + + + Hỗ trợ Hội quán thôn 5, xã Cẩm Minh	Hỗ trợ xã Cẩm Nhượng xây dựng nhà hiệu bộ trường Tiểu học	400.000	-	400.000	-	-	100
+ + + + + + + + + + + + + + + Hỗ trợ xã Cẩm Nhượng xây dựng nhà hiệu bộ trường Tiểu học	Chi Đầu tư phát triển từ nguồn kết dư ngân sách 4 năm 2019	1.100.000	-	1.100.000	-	-	100
+ + + + + + + + + + + + + + + + Hỗ trợ xã Cẩm Nhượng xây dựng nhà hiệu bộ trường Tiểu học	Chi Đầu tư phát triển từ nguồn kết dư ngân sách 4 năm 2019	8.688.087	6.560.000	8.688.087	76	-	100

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	Số sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm 2019	Dự kiến cả năm 2020 so với dự toán	
+ TX78	Nguồn kết dư: Trà nợ đường trực xã Cẩm Yên	200.000	200.000	200.000	100	-	100
+ Hâ	Nguồn kết dư: Công trình: Trụ sở UBND xã Cẩm Hâ	1.000.000	1.000.000	1.000.000	100	-	100
+ Thiên Cầm	Nguồn kết dư: Trà nợ Công trình: Trường TH TT xã Cẩm Yên TX79	750.000	750.000	750.000	100	-	100
+ +	Nguồn kết dư: Hỗ trợ UBND xã Cẩm Duê kinh phí xây dựng đường GTNT khu vực Khe Mái	600.000	-	600.000	-	-	100
+ phòng Trưởng TH& THCS Phan Đình Giót	Nguồn kết dư: Công trình: Nhà học 02 tầng 12	800.000	800.000	800.000	100	-	100
+ +	Nguồn kết dư: Cải tạo Nhà làm việc Trung tâm Ứng dụng KHKI & BVCTVN	2.000.000	2.000.000	2.000.000	100	-	100
+ +	Nguồn kết dư: Xây dựng hệ thống kênh tưới đồng Cửa Làng, xã Cẩm Minh	1.238.087	810.000	1.238.087	65	-	100
+ +	Nguồn kết dư: Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang liệt sỹ huyện	1.100.000	-	1.100.000	-	-	100
5	Chi Đầu tư phát triển từ các nguồn kinh phí đã hết nhiệm vụ chi	-	13.652.410	21.433.447	-	-	-
+ +	Nguồn tiết kiệm chi: Đường ĐH 125 đoạn từ xã Cẩm Nam đến xã Cẩm Dương	-	977.358	1.000.000	-	-	-
+ +	Nguồn tiết kiệm chi: Đường ĐH 125 đoạn qua xã Cẩm Dương	-	450.000	500.000	-	-	-
+ +	Nguồn tiết kiệm chi: Đường ĐH 124 đoạn qua thị trấn Cẩm Xuyên	-	-	1.500.000	-	-	-
+ +	Nguồn tiết kiệm chi: Đường ĐH 123 đoạn từ xã Cẩm Quang đến xã Yên Hòa	-	1.808.278	4.500.000	-	-	-
+ +	Nguồn tiết kiệm chi: Đường ĐH 133 đoạn từ xã Cẩm Thành đến cầu Na II	-	-	3.500.000	-	-	-
+ +	Nguồn tiết kiệm chi: Đường ĐH 133 đoạn từ xã Cẩm Vinh đến xã Cẩm Thành	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-
+ +	Nguồn tiết kiệm chi: Hệ thống thoát nước tài cùm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên	-	3.483.327	3.500.000	-	-	-

STT	Nội dung	Đại toàn được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Đại kiểm thực hiện cá năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện Thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm 2019	Đại kiểm cả năm 2020 so với dự toán	Ghi chú
	Nguồn tiết kiệm chi: Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ huyện	-	3.933.447	3.933.447	-	-	
+ +	Nguồn kinh phí chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020	-	37.875.799	45.511.294	-	-	
+ +	Dự án: Mua sắm trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cho các xã, thị trấn	3.776.343	4.054.581	-	-	-	
+ +	Dự án: Tu sửa, mở rộng khu nhà giải quyết thủ tục hành chính Công an huyện	927.446	1.100.000	-	-	-	
+ +	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục của Trung tâm văn hóa Hà Huy Tập	2.000.000	2.000.000	-	-	-	
+ +	Xây dựng nhà học 02 tầng 10 phòng Trường TH Cẩm Thịnh	6.695.713	7.156.713	-	-	-	
+ +	Xây dựng cầu qua kênh N1 và nén đường hai đầu cầu từ thôn Hoa thám di thôn Tân Mỹ xã Cẩm Due	4.500.000	4.500.000	-	-	-	
+ +	Nâng cấp mở rộng đường ĐH131 đoạn Cẩm Huy di Cẩm Thắng	4.193.387	4.500.000	-	-	-	
+ +	Nâng cấp mở rộng đường TX 04 đoạn 02 đầu cầu Bên Đá xã Cẩm Mỹ	3.730.910	4.500.000	-	-	-	
+ +	Hỗ trợ xây dựng nhà hiệu bộ Trường THCS Mỹ Due	1.000.000	1.000.000	-	-	-	
+ +	Dự án: Nâng cấp nhà số 2, Trụ sở UBND xã Cẩm Hà	1.000.000	1.000.000	-	-	-	
+ +	Công trình: Nhà học 02 tầng 08 phòng Trường MN Cẩm Nhượng	-	2.700.000	-	-	-	
+ +	Công trình: Nhà học 02 tầng 10 phòng Trường TH Cẩm Thịnh	-	300.000	-	-	-	
+ +	Công trình: Chinh trang vỉ hè Quốc lộ 8C đoạn qua trung tâm Thị trấn Thiên Cầm	2.052.000	4.700.000	-	-	-	
+ +	Công trình: Công viên Hà Huy Tập	1.600.000	1.600.000	-	-	-	
+ +	Hỗ trợ UBND xã Cẩm Quan xây dựng các công trình phụ trợ Trường TH&THCS Phan Đình Giót	400.000	400.000	-	-	-	
II	Chi thường xuyên	524.304.135	461.574.777	513.620.893	88	106	98
1	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	33.269.078	28.892.745	33.269.078	87	100	100

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	Số sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với dự toán	Dự kiến cả năm 2020 so với dự toán	
1.1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	11.401.389	10.400.516	11.401.389	91	100	100
1.2	Hội đồng nhân dân huyện	1.686.176	1.113.266	1.686.176	66	76	100
1.3	Văn phòng Huyện ủy	7.970.368	7.104.409	7.970.368	89	94	100
1.4	Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ	1.400.062	1.400.062	1.400.062	100	116	100
1.5	Ủy ban MTTQ huyện	1.417.303	1.176.348	1.417.303	83	102	100
1.6	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện	957.928	628.457	957.928	66	87	100
1.7	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện	826.976	771.114	826.976	93	108	100
1.8	Hội Nông dân huyện	846.607	783.696	846.607	93	118	100
1.9	Hội Cựu chiến binh huyện	389.669	357.950	389.669	92	99	100
1.10	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	2.086.402	1.871.198	2.086.402	90	108	100
1.11	Liên hiệp hội Khoa học kỹ thuật huyện	126.000	126.000	126.000	100	61	100
1.12	Phòng Tài nguyên & Môi trường	135.000	135.000	135.000	100	100	100
1.13	Phòng Tư pháp	198.000	97.732	198.000	49	49	100
1.14	Phòng Nội vụ	180.000	180.000	180.000	100	100	100
1.15	Hội đồng thi đua khen thưởng huyện	1.000.000	973.747	1.000.000	97	162	100
1.16	Thanh tra huyện	89.120	89.120	89.120	100	100	100
1.17	Hội Khuyến học huyện	153.660	153.660	153.660	100	91	100
1.18	Hội Nạn nhân chất độc da cam huyện	62.700	62.700	62.700	100	105	100
1.19	Hội thanh niên xung phong huyện	118.460	118.460	118.460	100	127	100
1.20	Hội Bảo trợ người tàn tật huyện	98.460	98.460	98.460	100	106	100
1.21	Kinh phí Ban chỉ đạo sắp nhập xã	500.000	-	500.000	-	-	100
1.22	Hỗ trợ các tổ chức hội, các tổ chức chính trị xã hội	125.000	10.000	125.000	8	8	100
1.23	Các chế độ khác	1.499.800	1.240.850	1.499.800	83	147	100
+ Kinh phí tôn giáo		199.800	199.800	199.800	100	100	100
+ Kinh phí tổ chức các hoạt động phát triển doanh nghiệp		200.000	187.150	200.000	94	156	100
+ Kinh phí tập huấn		300.000	237.900	300.000	79	116	100
+ Chi khác về QLNN, ngoại vụ		500.000	316.000	500.000	63	114	100
+ Học tập kinh nghiệm		300.000	300.000	300.000	100	750	100
2 Chi sự nghiệp giáo dục		331.060.000	300.679.937	325.802.868	91	106	98
2.1	Lương, phụ cấp, chi hoạt động, các chế độ khác (đã phân bổ chi tiết cho các đơn vị)	292.475.168	268.102.237	292.475.168	92	106	100
2.2	Kinh phí thực hiện các chế độ đối với học sinh (chưa phân bổ chi tiết cho các đơn vị)	1.622.808	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	Số sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với dự toán	Thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm 2019	
	<i>Dự phòng biến động tiền lương, chế độ nghỉ định</i>	3.374.024	-	-	-	-	
2.3	<i>11.6 (Chưa phân bổ chi tiết cho các đơn vị)</i>	1.170.000	1.170.000	1.170.000	100	100	
2.5	<i>Chi chung toàn ngành phòng GD&ĐT</i>	1.418.000	1.157.700	1.157.700	82	-	
2.5	<i>Hỗ trợ các Trung tâm học tập cộng đồng</i>						
2.4	<i>Hỗ trợ, tăng cường cơ sở vật chất các trường học</i>	31.000.000	30.250.000	31.000.000	98	131	100
	Nhà học 2 tầng 12 phòng học trường tiểu học Phan Đình Giót xã Cẩm Quan	2.800.000	2.800.000	2.800.000	100	-	100
	Nhà học 3 tầng 15 phòng trường THCS Cẩm Nhường	9.150.000	9.150.000	9.150.000	100	-	100
	Nhà học bộ môn 2 tầng 8 phòng trường TH Cẩm Thịnh	5.000.000	5.000.000	5.000.000	100	-	100
	Nhà học 3 tầng 15 phòng trường THCS thị trấn Cẩm Xuyên	3.500.000	3.500.000	3.500.000	100	-	100
	Nhà hiệu bộ 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Cẩm Thịnh	5.000.000	5.000.000	5.000.000	100	-	100
	Mua sắm trang thiết bị cho các trường học	2.300.000	2.300.000	2.300.000	100	-	100
	Trả nợ Nhà học 8 phòng 2 tầng trường Tiểu học và 6 phòng 2 tầng trường mầm non Cẩm Mỹ	800.000	800.000	800.000	100	-	100
	Trả nợ Kiên cố hóa trường học các xã Cẩm Quan, Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên	300.000	300.000	300.000	100	-	100
	Trả nợ Nhà học 6 phòng 2 tầng trường mầm non Cẩm Lộc, huyện Cẩm Xuyên	400.000	400.000	400.000	100	-	100
	Trả nợ Nhà học 2 tầng 10 phòng trường THCS Sơn Hà	1.000.000	1.000.000	1.000.000	100	-	100
	+ Quang	750.000	-	750.000	-	-	100
3	Sư nghiệp đào tạo và dạy nghề cấp huyện	3.674.318	3.314.504	3.674.318	90	103	100
3.1	<i>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên</i>	2.763.554	2.479.637	2.763.554	90	101	100
3.2	<i>Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện</i>	910.764	834.867	910.764	92	107	100
4	Sư nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	4.058.339	3.067.285	3.580.339	76	88	88
4.1	<i>Trung tâm Văn hóa - Truyền thông</i>	2.330.845	2.113.362	2.330.845	91	98	100

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện (%)	Điều kiện	Ghi chú	
					Thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm 2019	Thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm 2020	cá năm 2020 so với dự toán	
4.2	Ban quản lý Khu du lịch Thiên Cầm	1.197.494	703.923	999.494	59	64	83	Điều chỉnh giảm 198 tr.đ nhiệm vụ khai trương mùa du lịch để đầu tư sửa chữa trụ sở
4.3	Phòng Văn hóa và Thông tin	250.000	250.000	250.000	100	109	100	Điều chỉnh sang đầu tư sửa chữa trụ sở BQL Khu du lịch Thiên Cầm
4.4	Chi sự nghiệp văn hóa khác	280.000	-	-	-	-	-	
5	Sự nghiệp y tế	21.730.395	19.652.198	21.730.395	90	102	100	
5.1	Trung tâm Y tế huyện	21.604.095	19.558.553	21.604.095	91	102	100	
5.4	Phòng Y tế	96.300	63.645	96.300	66	66	100	
5.5	Hỗ trợ các đơn vị khối Y tế	30.000	30.000	30.000	100	-	100	
6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	50.935.147	46.222.002	50.935.147	91	98	100	
6.1	Hội Chữ thập đỏ huyện	241.793	208.742	241.793	86	92	100	
6.2	Hội Người mù huyện	273.062	266.741	273.062	98	108	100	
6.3	Hội Người cao tuổi huyện	118.318	82.291	118.318	70	92	100	
6.4	Phòng LĐ-TB&XH	261.000	261.000	261.000	100	100	100	
6.5	Hỗ trợ các đơn vị thuộc sự nghiệp đảm bảo xã hội	20.000	-	20.000	-	-	100	
6.6	Bảo hiểm y tế các đối tượng	10.663.974	9.775.310	10.663.974	92	92	100	
6.7	Trợ cấp thương xuyễn cho các đối tượng theo Nghị định 136/NĐ-CP	36.151.000	33.138.417	36.151.000	92	99	100	
6.9	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	2.866.000	2.149.500	2.866.000	75	108	100	
6.10	Trợ cấp xã hội theo Nghị Quyết 151/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	190.000	190.000	190.000	100	-	100	
6.11	Chi đảm bảo xã hội khác	340.000	340.000	340.000	100	135	100	
7	Sự nghiệp an ninh	855.000	855.000	855.000	100	106	100	
7.1	Công an huyện	405.000	405.000	405.000	100	100	100	
7.2	Ban ATGT	250.000	250.000	250.000	100	125	100	
7.3	Hỗ trợ nhiệm vụ an ninh khác	200.000	200.000	200.000	100	100	100	
8	Sự nghiệp quốc phòng	3.352.250	3.312.250	3.352.250	99	100	100	
8.1	Ban chỉ huy quân sự huyện	3.312.250	3.312.250	3.312.250	100	100	100	
8.2	Hỗ trợ các đơn vị thuộc sự nghiệp quốc phòng	40.000	-	40.000	-	-	100	
9	Sự nghiệp kinh tế	54.674.509	40.349.174	50.614.399	74	106	93	
9.1	Trung tâm Ứng dụng KHKT&BVCTVN	1.630.486	1.481.806	1.630.486	91	103	100	

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ năm 2019	Dự kiến cả năm 2020 so với dự toán	
9.2	Phòng NN&PTNT	324.000	324.000	324.000	100	100	100
9.3	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	270.000	104.470	270.000	39	39	100
9.4	Văn phòng điều phối Nông thôn mới huyện	900.000	1.774.592	900.000	197	197	100
9.5	Kinh phí đất trồng lúa theo ND 35/2015	11.236.000	11.236.000	11.236.000	100	100	100
9.6	Hỗ trợ thực hiện các đề án, chính sách và các nhiệm vụ khác	32.600.000	23.648.306	28.539.890	73	105	88
+ Kế hoạch đầu tư trang thiết bị hiện đại bộ phận một cửa liên thông cấp xã, thị		2.800.000	-	2.800.000	-	-	100
+ Cơ chế xi măng làm đường GTNT và kênh mương nội đồng 2019		4.000.000	-	338.073	-	-	8
+ Đề án phòng chống dịch trong sản xuất NN và chăn nuôi		450.000	-	450.000	-	-	100
+ Đề án Dân số kế hoạch hóa gia đình		200.000	200.000	200.000	100	-	100
+ Hỗ trợ các đơn vị mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất		1.250.000	992.350	1.250.000	79	-	100
+ Đề án chính sách trong cơ cấu lại SXNN		1.000.000	359.956	601.817	36	-	60
+ Đề án xử lý rác thải		200.000	200.000	200.000	100	-	100
+ Đề án đảm bảo an toàn giao thông		500.000	500.000	500.000	100	-	100
+ Đề án nâng cao chất lượng nuôi trồng thủy sản		500.000	96.000	500.000	19	-	100
+ Phí đấu giá Quyền sử dụng đất		300.000	300.000	300.000	100	-	100
+ Trả nợ Lắp đặt các cùm đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên		1.000.000	1.000.000	1.000.000	100	-	100
+ Trả nợ Nâng cấp, mở rộng đường liên thôn Liên Thành di Hải Bắc xã Cẩm Nhung		450.000	450.000	450.000	100	-	100
+ Trả nợ Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ vòng xuyến QL15B đến quãng trường Hồ Tùng Mậu tại KDL Thiên Cầm		700.000	700.000	700.000	100	-	100
+ Trả nợ Nâng cấp, cải tạo Đường GT TX 03 Cầm Thạch		900.000	900.000	900.000	100	-	100

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với dự toán	Dự kiến cả năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019	
	Trà ngô Đường vào khu căn cứ Quân sự huyện, do Huyện đội làm chủ đầu tư	400.000	-	400.000	-	-	100
+ +	Trà ngô XD hẽ thông vỉa hè tại bờ kè khu DL Thôn Cầm	500.000	500.000	500.000	100	-	100
+ +	Trà ngô Nâng cấp đường 14 vào Trung tâm xã Cầm Bình	4.000.000	4.000.000	4.000.000	100	-	100
+ +	DA Kè nới tú khu du lịch Thiên Cầm đến kè biển Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên	500.000	500.000	500.000	100	-	100
+ +	DA Kè chống xói lở bờ sông Ngàn Mò, huyện Cầm Xuyên	1.000.000	1.000.000	1.000.000	100	-	100
+ +	Cầu và đường hai đầu cầu thôn Nam Sơn đi thôn Tiến Thắng xã Cẩm Thịnh	3.000.000	3.000.000	3.000.000	100	-	100
+ +	Nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang huyện	3.000.000	3.000.000	3.000.000	100	-	100
+ +	Quy hoạch huyện NTM, với diện tích 663,5 km2	2.000.000	2.000.000	2.000.000	100	-	100
+ +	Hội trường UBND xã Cẩm Nhượng	2.000.000	2.000.000	2.000.000	100	-	100
+ +	Trụ sở làm việc 3 tầng UBND xã Cẩm Thành	500.000	500.000	500.000	100	-	100
+ +	Hội trường 250 chỗ xã Cẩm Trung	1.000.000	1.000.000	1.000.000	100	-	100
+ +	Kênh bê tông thon 2 xã Cẩm Thắng	450.000	450.000	450.000	100	-	100
9.7	Sửa nghiệp kiêm thiết thi chính	6.045.000	500.000	6.045.000	8	54	100
+ +	Tiền điện chiếu sáng đường tránh thành phố Hà Trịnh	45.000	-	45.000	-	-	100
+ +	Tiền điện chiếu sáng khu du lịch Thiên Cầm	200.000	200.000	200.000	100	133	100
+ +	Hỗ trợ một phần tiền điện chiếu sáng Thị trấn Cầm Xuyên	300.000	300.000	300.000	100	100	100
+ +	Chi sự nghiệp kiêm thiết thi chính	500.000	-	500.000	-	-	100
+ +	Hỗ trợ trồng cây xanh đô thị	5.000.000	-	5.000.000	-	-	100
9.8	Chi sự nghiệp kinh tế khác	669.023	280.000	669.023	42	60	100
9.9	Kinh phí hoàn thiện các tiêu chí huyện Nông thôn mới	1.000.000	1.000.000	1.000.000	100	-	100
10	Sửa nghiệp môi trường	5.900.000	3.988.262	5.900.000	68	160	100
10.1	Chi sự nghiệp môi trường	900.000	390.000	900.000	43	-	100
10.2	Hỗ trợ xử lý rác	5.000.000	3.598.262	5.000.000	72	145	100

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2020	Thực hiện đến 30/11/2020	Dự kiến thực hiện cả năm 2020	So sánh tỷ lệ thực hiện		Ghi chú
					Thực hiện 11 tháng so với dự toán	Dự kiến cả năm 2020 so với dự toán	
	Chi biến động tiền lương và một số nhiệm vụ khác	5.014.206	4.126.206	4.126.206	82	93	Điều chỉnh giảm 888 tr.d theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND
11	Chi biến động tiền lương và một số nhiệm vụ khác	3.841.308	3.415.215	3.841.308	89	194	100
12	Chi khác ngân sách	3.346.308	3.020.215	3.346.308	90	192	100
12.1	<i>Chi khác ngân sách theo định mức</i>	<i>200.000</i>	<i>200.000</i>	<i>200.000</i>	<i>100</i>	<i>200</i>	<i>100</i>
12.2	<i>Ban Phòng chống lụt bão</i>	<i>295.000</i>	<i>195.000</i>	<i>295.000</i>	<i>66</i>	<i>217</i>	<i>100</i>
12.3	<i>Hỗ trợ các đơn vị cấp tỉnh, cấp TW trên địa bàn</i>						
13	15% tăng thu dự toán 2020 so với dự toán 2019	5.939.585	3.700.000	5.939.585	62	-	100
13.1	<i>Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXXII và lễ phục cho Ủy viên</i>	<i>2.300.000</i>	<i>2.300.000</i>	<i>2.300.000</i>	<i>100</i>	<i>-</i>	<i>100</i>
13.2	<i>Hỗ trợ các xã tổ chức Đại hội Đảng bộ</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>	<i>100</i>	<i>-</i>	<i>100</i>
13.3	<i>Bổ sung vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện</i>	<i>300.000</i>	<i>300.000</i>	<i>300.000</i>	<i>100</i>	<i>-</i>	<i>100</i>
13.4	<i>Bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>100</i>	<i>-</i>	<i>100</i>
13.5	<i>Hỗ trợ các nhiệm vụ phát sinh trong năm</i>	<i>2.239.585</i>	<i>-</i>	<i>2.239.585</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>100</i>
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	5.939.585	-	5.939.585	-	-	100
1	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương khôi giáo	-	-	-	-	-	
2	Chi tạo nguồn, điều chỉnh lương các đơn vị khác	5.939.585	-	5.939.585	-	100	
IV	Dự phòng ngân sách	8.018.000	8.075.719	8.906.000	101	147	111
V	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-	-	85.771.044	-	-	
VI	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	120.819.750	240.767.829	281.196.822	199	92	233
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ	206.975.440	412.842.401	470.572.369	199	115	227

UBND HUYỆN CẨM XUYÊN

**TỈNH HÌNH THỰC HIỆN THU ĐẾN 30/11/2020 CẤP HUYỆN, CẤP XÃ ĐƯỢC HƯỞNG
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 39/H/BC-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện)**

DVT: Nghìn đồng.

TT	Nội dung	Dự toán được giao	Thực hiện thu đến 30/11/2020	Hụt thu (-), tăng thu (+)	Ghi chú
I	Ngân sách huyện	262.821.548	244.905.051	(17.916.497)	
-	Thu cân đối thường xuyên	58.346.470	55.827.277	(2.519.193)	
-	Thu tiền sử dụng đất	204.475.078	189.077.774	(15.397.304)	
II	Ngân sách xã	142.651.328	133.992.215	(8.659.113)	
-	Thu cân đối thường xuyên	17.947.930	17.007.182	(940.748)	
-	Thu tiền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công	-	7.490.968	7.490.968	
-	Thu tiền sử dụng đất	124.703.398	109.494.065	(15.209.333)	
					<i>£</i>

UBND HUYỆN CẨM XUYÊN

**DỰ KIẾN THỰC HIỆN THU ĐẾN 31/12/2020 CÁP HUYỆN, CÁP XÃ ĐƯỢC HƯỞNG
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện)**

ĐVT: Nghìn đồng.

TT	Nội dung	Dự toán được giao	Dự kiến thực hiện 31/12/2020	Hụt thu (-), tăng thu (+)	Ghi chú
I	Ngân sách huyện	262.821.548	262.821.548	-	
	- Thu cân đối thường xuyên	58.346.470	58.346.470	-	
	- Thu tiền sử dụng đất	204.475.078	204.475.078	-	
II	Ngân sách xã	142.651.328	150.770.720	8.119.392	
	- Thu cân đối thường xuyên	17.947.930	17.737.221	(210.709)	
	- Thu đến bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công	-	8.000.000	8.000.000	
	- Thu tiền sử dụng đất	124.703.398	125.033.499	330.101	

8

BÁO CÁO SỐ THU CÁC LOẠI THUẾ PHÍ CÁC XÃ THỊ TRẤN ĐẾN 30/11/2020
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2/BC-UBND ngày 2/11/2020 của UBND huyện)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Đơn vị	Mã địa bàn	Người Quốc doanh		Thuế thu nhập cá nhân		Tiền thuế mặt đất, mặt nước		Thuế SD đất phi NN		Thu Cấp QSD đất			
			Kế hoạch	Thực hiện	Số sánh %	Kế hoạch	Thực hiện	Số sánh %	Kế hoạch	Thực hiện	Số sánh %	Kế hoạch	Thực hiện	
1	TT Cẩm Xuyên	18673	7.378.000	12.141.088	165	1.013.000	923.063	91	930.800	1.402.840	151	140.400	138.051	
2	TT Thiên Cầm	18676	1.066.000	934.337	88	118.000	94.805	80	210.000	-	-	27.700	38.701	
3	Cẩm Vinh	18691	1.183.000	1.145.929	97	25.000	17.135	69	80.000	80.200	100	93.300	86.136	
4	Cẩm Bình	18685	1.018.000	460.575	45	103.000	122.966	119	1.700.000	1.484.487	87	24.900	23.505	
5	Cẩm Thành	18694	965.000	822.030	85	84.000	63.548	76	7.000	5.063	72	37.700	49.125	
6	Cẩm Mỹ	18739	400.000	155.610	39	20.000	13.495	67	1.700	1.674	98	1.900	1.979	
7	Cẩm Thạch	18706	37.000	63.095	171	7.000	10.658	152	-	530	-	2.000	2.631	
8	Cẩm Due	18715	242.000	392.600	162	34.000	19.947	59	-	-	1.800	1.292	72	
9	Cẩm Quang	18697	408.000	276.696	68	35.000	37.404	107	-	-	13.500	12.000	89	
10	Cẩm Quan	18724	394.000	645.366	164	41.000	14.933	36	30.000	27.096	90	4.200	4.635	110
11	Yên Hòa	18679	412.000	493.114	120	41.000	34.598	84	11.000	32.446	295	1.000	6.565	657
12	Nam Phúc Thắng	18700	1.517.000	1.575.099	104	58.000	44.175	76	1.500	1.530	102	7.000	4.000	57
13	Cản Dương	18682	150.000	109.742	73	20.000	23.372	117	4.000	4.027	101	2.000	4.098	205
14	Cẩm Nhuường	18709	922.000	1.159.490	126	113.000	96.658	86	100.000	51.557	52	7.800	14.401	185
15	Cẩm Hưng	18733	307.000	591.641	193	34.000	18.030	53	168.000	117.016	70	11.500	8.942	78
16	Cẩm Thịnh	18736	1.843.000	1.238.066	67	33.000	25.475	77	216.000	14.584	7	6.900	7.130	103
17	Cẩm Sơn	18745	195.000	55.579	29	20.000	10.139	51	-	16.393	-	700	1.182	169
18	Cẩm Trung	18742	2.887.000	2.879.175	100	70.000	45.890	66	23.000	52.669	229	5.200	20.043	385
19	Cẩm Lộc	18730	435.000	169.488	39	53.000	28.901	55	-	-	3.000	3.643	121	1.361.448
20	Cẩm Lạc	18748	520.000	606.198	117	20.000	18.794	94	-	-	600	2.071	345	10.698.628
21	Cẩm Hà	18727	47.000	42.451	90	15.000	14.227	95	-	-	1.000	2.790	279	3.447.000
22	Cẩm Lĩnh	18721	22.000	101.786	463	9.000	9.552	106	-	-	600	1.000	167	164.260
23	Cẩm Minh	18751	652.000	254.557	39	34.000	22.278	66	17.000	-	-	5.300	100	207.140
24	Thị trấn cấp QSD đất Khu đô thị Vạn Sông Hồi		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	78.828.000	78.828.000
25	Thị trấn cảng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Văn phòng HĐND-UBND huyện		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Công an huyện		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Thị trấn cảng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Chi cục thuế		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	23.000.000	26.313.712	114	7.000.000	8.227.453	Tranh	718	3.500.000	3.292.112	94	400.000	439.220	110

BÁO CÁO SỐ THU CÁC LOẠI THUÉ PHÍ CÁC XÃ THỊ TRẤN ĐẾN 30/11/2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện)

Đ/T: *Nghìn đồng*

TT	Đơn vị	Cấp quyền khai thác khoáng sản				Trước bạ				Phi, lệ phí				Thu khác ngân sách				Tổng cộng		
		Kế hoạch	Thực hiện	Số sánh %	Kế hoạch	Thực hiện	Số sánh %	Kế hoạch	Thực hiện	Số sánh %	Kế hoạch	Thực hiện	Số sánh %	Kế hoạch	Thực hiện	Số sánh %	Thực hiện	Số sánh %		
1	TT Cẩm Xuyên	130.000	139.294	107	1.151.000	1.902.990	165	180.300	172.500	96	457.000	2.481.345	543	82.122.158	75.814.371	92				
2	TT Thiên Cầm	-	-	-	168.000	464.985	277	34.000	33.666	99	750.000	871.524	116	22.074.892	21.600.738	98				
3	Cẩm Vĩnh	-	-	-	267.000	219.506	82	27.500	26.590	97	250.000	800.786	320	13.628.928	14.117.626	104				
4	Cẩm Bình	-	-	-	190.000	146.682	77	31.400	23.827	76	340.000	254.285	75	5.043.896	5.637.759	112				
5	Cẩm Thành	-	-	-	331.000	312.075	94	51.400	27.600	54	145.000	128.850	89	19.604.842	19.507.027	100				
6	Cẩm Mỹ	-	-	-	55.000	99.388	181	27.900	16.365	59	190.000	89.371	47	1.659.512	1.340.894	81				
7	Cẩm Thạch	-	-	-	90.000	65.913	73	32.000	25.743	80	80.000	44.932	56	725.848	691.350	95				
8	Cẩm Duê	-	-	-	71.000	167.930	237	27.700	17.751	64	130.000	56.537	43	9.990.128	10.139.685	101				
9	Cẩm Quang	-	-	-	166.000	250.475	151	31.500	18.145	58	155.000	203.312	131	15.288.706	15.522.976	102				
10	Cẩm Quan	-	-	-	9.808	-	137.000	210.502	154	29.700	29.919	101	170.000	104.233	61	4.039.378	4.403.690	109		
11	Yên Hòa	-	-	-	104.000	196.272	189	46.650	25.548	55	190.000	46.310	24	10.975.436	4.541.639	41				
12	Nam Phúc Thắng	-	-	-	159.000	890.964	560	100.700	43.805	44	388.000	183.389	47	8.115.372	8.691.536	107				
13	Cẩm Dương	-	-	-	96.000	410.063	427	16.600	13.190	79	120.000	54.000	45	3.742.536	4.391.288	117				
14	Cẩm Nhượng	-	-	-	186.000	421.030	226	48.400	55.722	115	300.000	250.441	83	29.453.806	19.737.055	67				
15	Cẩm Hưng	-	-	-	55.000	139.872	254	22.800	16.794	74	130.000	16.500	13	1.583.642	1.946.109	123				
16	Cẩm Thịnh	-	-	-	147.000	283.066	193	30.400	12.950	43	295.000	1.961.088	665	26.166.072	30.087.774	115				
17	Cẩm Sơn	-	-	-	107.000	215.561	201	22.400	19.665	88	230.000	430.442	187	11.747.332	11.804.097	100				
18	Cẩm Trung	-	-	-	349.771	58	133.000	70.283	53	30.700	27.500	90	180.000	93.972	52	5.220.866	5.140.669	98		
19	Cẩm Lộc	-	-	-	43.000	58.584	136	31.500	27.075	86	400.000	224.180	56	2.326.948	1.978.707	85				
20	Cẩm Lạc	-	-	-	78.000	159.718	205	36.800	16.000	43	260.000	350.129	135	11.614.028	7.851.538	68				
21	Cẩm Hà	-	-	-	44.000	189.672	431	14.100	8.075	57	120.000	533.216	444	3.688.100	4.237.431	115				
22	Cẩm Linh	-	-	-	44.000	44.878	102	30.300	24.880	82	250.000	116.000	46	520.160	552.356	106				
23	Cẩm Minh	-	-	-	15.000	201.689	1.345	21.600	13.906	64	60.000	8.800	15	1.012.040	1.064.866	105				
24	Thị trấn Cẩm Xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	78.828.000	78.828.000					
25	Thị trấn Cẩm Mỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	210.000	240.107	114				
26	Văn phòng HĐND-UBND huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	517.650	229.400	44				
27	Công an huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.000.000	1.408.212	47				
28	Thị trấn Cẩm Phả	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	513.220	513.220	21				
29	Chu cục thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	36.810.314	37.919.000	97				
Tổng cộng	3.108.000	4.068.572	131	34.000.000	34.093.616	100	3.909.000	18.147.076.313	79	12.090.000	12.838.763	106	414.019.276	389.272.434	94					